

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK TÔ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KTTH

Đắk Tô, ngày tháng năm 2023

V/v lấy ý kiến Nhiệm vụ quy  
hoạch xây dựng vùng huyện  
Đắk Tô, tỉnh Kon Tum  
đến năm 2040

Kính gửi:

- Các Sở, ban ngành của tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện;
- Các cơ quan, đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Cộng đồng dân cư các xã, thị trấn.

**I. Căn cứ lập nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đắk Tô**

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Luật Quy hoạch đô thị, ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan về quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính Phủ về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính Phủ về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật”, Mã số QCVN 07:2016/BXD;

Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 23-8-2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 16-NQ/TU);

Nghị quyết số 07-NQ/ĐH, ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đăk Tô lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 01 tháng 6 năm 2021 tại Hội nghị lần thứ 4 của Ban chấp hành đảng bộ huyện khóa XVII nhiệm kỳ 2020-2025 về xây dựng thị trấn Đăk Tô đạt các tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025 gắn với mở rộng không gian đô thị và hình thành đô thị mới;

Chương trình số 51-CTr/TU ngày 19-01-2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24-01-2022 của Bộ chính trị “về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

Chương trình số 61-CTr/HU ngày 16-01-2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 23-8-2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Thông báo số 942/TB-VP ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Thông báo Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Ngọc Tuấn về công tác đầu tư, quy hoạch trên địa bàn tỉnh;

Công văn số 1169/UBND-HTKT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc triển khai lập quy hoạch xây dựng vùng huyện;

Công văn số 908/SXD-QHKT ngày 20/6/2023 của Sở Xây dựng về việc triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng vùng huyện;

Thông báo số 237-TB/HU, ngày 11/4/2023 về Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy về chủ trương lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum;

Công văn số 660/UBND-KTHT ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô về việc giao nhiệm vụ triển khai lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Tô;

Để có cơ sở trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2040 đảm bảo chặt chẽ, đúng quy trình quy định; Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan và cộng đồng dân cư xem xét, cho ý kiến đối với nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum; cụ thể như sau:

## **II. Nội dung lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Tô**

### **1. Tên, tỷ lệ đồ án quy hoạch**

1.1. Tên quy hoạch: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2040.

1.2. Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/25.000.

### **2. Phạm vi và ranh giới**

a) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Đăk Tô, với 9 đơn vị hành chính cấp xã gồm 01 thị trấn và 08 xã: Diên Bình, Pô Kô, Tân Cảnh, Kon Đào, Ngọc Tụ, Đăk Rơ Nga, Đăk Trăm, Văn Lem và thị trấn Đăk Tô, giới hạn tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp huyện Đăk Hà và huyện Tu Mơ Rông;
- Phía Tây giáp huyện Ngọc Hồi;
- Phía Nam giáp huyện Sa Thầy và huyện Đăk Hà;
- Phía Bắc giáp huyện Tu Mơ Rông.

*(Có sơ đồ vị trí ranh giới kèm theo)*

b) Quy mô diện tích vùng: Toàn huyện có tổng diện tích tự nhiên khoảng 50.870,31 ha (508,7 km<sup>2</sup>).

c) Quy mô dân số: Tổng dân số huyện năm 2022: 51.436 người. Trong đó, dân số đô thị là 14.636 người.

d) Thời hạn quy hoạch:

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030;
- Giai đoạn dài hạn đến năm 2040.

### 3. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch:

#### a) Quan điểm:

- Quy hoạch phát triển huyện Đắk Tô phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch vùng, ngành, lĩnh vực.

- Khai thác và phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, tăng cường hợp tác với các địa phương trong Tỉnh nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, gắn chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội.

- Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học - kỹ thuật, công nghệ, đổi mới sáng tạo nhằm tận dụng tốt mọi cơ hội phát triển, nhất là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển mạnh về công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ...

- Gắn phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, nhất là vùng sâu, vùng xa và các vị trí chiến lược trên địa bàn huyện. Bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai; sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên và môi trường.

#### b) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch kinh tế xã hội huyện Đắk Tô đảm bảo phù hợp với hiện trạng và nhu cầu phát triển xã hội của huyện.

- Khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng và lợi thế của địa phương để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; chú trọng phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế so sánh, tập trung nguồn lực phát triển công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giá trị cao; thúc đẩy văn hóa - xã hội phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng an ninh vững chắc; xây dựng huyện Đắk Tô giàu mạnh, văn minh.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý các quy hoạch, đất đai; làm tiền đề thu hút đầu tư, định hướng phát triển hợp lý các nguồn lực nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

- Xây dựng thị trấn Đắk Tô đạt các tiêu chí đô thị loại IV trong giai đoạn hiện nay đến năm 2025.

- Hướng đến là vùng huyện ứng phó và thích nghi với điều kiện biến đổi khí hậu, tận dụng lợi thế về vị trí địa lý, tiềm năng phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, du lịch để chú trọng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

### 4. Tính chất, chức năng vùng

- Là một trong những cực vệ tinh quan trọng của Tỉnh, nằm trong vùng liên huyện phía Nam được xác định là vùng động lực chủ đạo phát triển kinh tế Tỉnh.

- Là đầu mối giao thông liên vùng quan trọng của Tỉnh. Là nơi hội tụ, gắn kết, giao lưu văn hóa các dân tộc của huyện và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc trong và ngoài tỉnh.

- Là vùng có tiềm năng về đất đai, tài nguyên rừng và tài nguyên nước có cảnh quan thiên nhiên đẹp, có nhiều di tích lịch sử, kết hợp văn hóa đặc trưng của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên thuận lợi phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với thương mại nông nghiệp và phát triển du lịch cộng đồng trên cơ sở đảm bảo an toàn về quốc phòng - an ninh.

- Là vùng phát triển công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giá trị cao. Xây dựng công tác quy hoạch, quản lý khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường.

#### 5. Các dự báo phát triển và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án:

a) Dự báo quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 61.700 người; đến năm 2040 khoảng 73.750 người.

b) Tỷ lệ đô thị hóa.

- Tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn hiện nay đến 2030: khoảng 37,3%, quy mô dân số đô thị khoảng 23.000 người.

- Tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn 2030-2040: khoảng 41, 4%, quy mô dân số đô thị khoảng 30.500 người.

b) Quy mô đất đai: Quy mô diện tích tự nhiên của huyện: 50.870,31 ha.

- Dự báo quy mô đất đai toàn huyện đến năm 2030: Đất nông nghiệp 43.104,26 ha chiếm khoảng 84,73%; Đất phi nông nghiệp 7.424,41 ha chiếm khoảng 14,60%; Đất chưa sử dụng 341,64 ha chiếm khoảng 0,67% ;

- Dự báo quy mô đất đai toàn huyện đến năm 2040: Đất nông nghiệp 42.339,41 ha chiếm khoảng 83,23%; Đất phi nông nghiệp: 8.220,59 chiếm khoảng 16,16%; Đất chưa sử dụng 310,31 ha chiếm khoảng 0,61% .

d) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án:

- Khu vực đô thị: Chỉ tiêu áp dụng theo mục 2.3 của QCVN 01:2021/BXD được ban hành theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD, ngày 19 tháng 5 năm 2021.

- Khu vực nông thôn: Chỉ tiêu áp dụng theo quy hoạch xây dựng nông thôn theo mục 2.16 của QCVN 01:2021/BXD được ban hành theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD, ngày 19 tháng 5 năm 2021.

Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án; Cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Đến năm 2040
1	Dân số toàn huyện	1000 người	61,70	73,75
	Tỷ lệ tăng dân số trung bình/năm	%	2,30	1,80
	<i>Tăng tự nhiên</i>	%	1,80	1,30
	<i>Tăng cơ học</i>	%	0,50	0,50
2	Tỷ lệ đô thị hoá	%	37,3	41,4
3	Đất dân dụng đô thị	m <sup>2</sup> /người	50-80	50-80
4	Đất ở trung bình			
	Khu vực đô thị	m <sup>2</sup> /người	28-45	28-45
	Khu vực nông thôn	m <sup>2</sup> /người	>25	>25
5	Chỉ tiêu cấp điện			
5.1	<i>Cấp điện sinh hoạt</i>	Qsh		
	- Khu vực đô thị	W/người	200	300
	- Các điểm dân cư nông thôn	W/người	150	200
5.2	<i>Công nghiệp</i>	kw/ha	50 - 250	50 - 250
5.3	<i>Công cộng-Dịch vụ</i>			
	Khu vực đô thị	% Qsh	30	30
	Các điểm dân cư nông thôn	% Qsh	15	15
6	Chỉ tiêu cấp nước			
6.1	<i>Sinh hoạt</i>	Qsh		
	- Khu vực đô thị	lít/người/ng.đ	100	120
	- Các điểm dân cư nông thôn	lít/người/ng.đ	60	80
6.2	<i>Công nghiệp</i>	m <sup>3</sup> /ha.ngđ	>20	>20
6.3	<i>Công cộng</i>	%Qsh	10	10
7	Thu gom nước thải			
7.1	<i>Thu gom nước thải sinh hoạt</i>			
	Đô thị	%Qsh	90	95
	Các điểm dân cư nông thôn	%Qsh	80	80
7.2	<i>Thu gom nước thải công nghiệp</i>	%Qcn	100	100
8	Cây xanh	m <sup>2</sup> /người		
	Đô thị	m <sup>2</sup> /người	≥5	≥5
	Các điểm dân cư nông thôn	m <sup>2</sup> /người	≥2	≥2
9	Đất giao thông đô thị			
	- Tính đến đường liên khu vực	% đất xây dựng	≥ 6	≥7

(Các dự báo phát triển và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện. Trường hợp các dự báo và các chỉ tiêu có sự thay đổi so với nhiệm vụ cân phải luận chứng cụ thể và thông qua các cấp có thẩm quyền xem xét, đảm bảo phù hợp với các yêu cầu phát triển vùng huyện).

## 6. Các yêu cầu về nội dung lập quy hoạch vùng huyện

#### a) Yêu cầu về thu thập số liệu, đánh giá hiện trạng

Thu thập các tài liệu điều tra và thống kê toàn huyện theo địa bàn các xã về dân số và lao động; hiện trạng kinh tế xã hội; hiện trạng đô thị, nông thôn, tình hình xây dựng nông thôn mới; hiện trạng về đất đai xây dựng đô thị, nông thôn, các khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; tài nguyên, môi trường; hiện trạng các chương trình, quy hoạch, dự án đầu tư phát triển đã và đang thực hiện. Đánh giá thực trạng các nguồn lực để thực hiện các chương trình, dự án phát triển kết cấu hạ tầng của huyện để có cơ sở dự báo khả năng huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

- Rà soát các chương trình, quy hoạch và dự án đầu tư trọng điểm trong vùng huyện: khớp nối đồng bộ, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp khớp nối, điều chỉnh phù hợp với định hướng quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch ngành.

- Đánh giá hiện trạng nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế- xã hội của vùng huyện.

#### b) Định hướng phát triển không gian vùng

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng;

- Xác định các phân vùng kiểm soát quản lý phát triển. Đối với vùng dọc tuyến đường cao tốc, hành lang kinh tế liên tỉnh, xác định phân vùng theo đoạn tuyến và tổ chức kết nối vùng dọc tuyến;

- Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng đặc thù;

- Xác định, tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn: Mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị;

- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, nghỉ dưỡng, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị. Đối với vùng chức năng đặc thù phải xác định các trung tâm chuyên ngành theo chức năng đặc thù. Đối với vùng dọc tuyến đường cao tốc, hành lang kinh tế liên tỉnh, phải xác định hệ thống các trung tâm công cộng dọc tuyến;

- Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan trong vùng.

#### c) Định hướng hệ thống hạ tầng xã hội vùng

Định hướng tổng hợp các công trình phục vụ cho đô thị và các điểm dân cư, như nhà văn hoá, các cơ sở y tế, các trường học và các hoạt động dịch vụ công cộng khác. Đảm bảo gắn liền với đời sống của các điểm dân cư, góp phần

ổn định nâng cao đời sống dân cư trong vùng; nâng cao và đáp ứng toàn diện những nhu cầu của các hoạt động kinh tế, góp phần nâng cao hiệu quả năng suất lao động; tạo lập và phát triển hài hoà, cân đối và đồng bộ, phù hợp với sự phát triển của các cơ cấu thành phần khác trong vùng; giảm bớt sự chênh lệch trong việc cung cấp và trang bị cơ sở hạ tầng giữa đô thị và nông thôn, giữa các vùng lãnh thổ; đáp ứng các yêu cầu về hội nhập quốc tế và ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu; bảo đảm tính đồng bộ về không gian kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị và không gian ngầm.

#### d) Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng

- Định hướng các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn gồm: Công trình thủy lợi, công trình đê điều và một công trình độc lập hoặc một tổ hợp các công trình trong các cơ sở chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản và các dự án đầu tư xây dựng công trình khác phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng hoặc liên vùng gồm: Giao thông, cao độ nền và hạ tầng thoát nước mặt, cấp điện, cung cấp năng lượng (*khí đốt, xăng, dầu*), cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động.

#### e) Đánh giá môi trường chiến lược

- Những vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn; Hiện trạng nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng; Dự báo xu thế các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch; Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường. Dự báo, đánh giá các diễn biến môi trường, các tác động tích cực, tiêu cực đối với môi trường của phương án quy hoạch đối với các khu vực phát triển (*đô thị, nông thôn, các khu vực bảo tồn,...*) và vùng lân cận. Đề xuất giải pháp phát huy các mặt tích cực và hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường các khu vực trên toàn huyện; Đề xuất biện pháp quản lý, giám sát môi trường. Kết luận, kiến nghị về môi trường để đảm bảo phát triển bền vững.

#### f) Quản lý quy hoạch xây dựng vùng huyện

- Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý; Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế; Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn; Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng; Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường; Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng; Phân công và quy định trách nhiệm quản lý quy hoạch cho các cấp chính quyền địa phương trong vùng theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện,



vùng huyện; Các quy định khác theo chức năng đặc thù của vùng.

### 7. Các công trình, dự án ưu tiên

- Các mục tiêu, quan điểm xác định lĩnh vực ưu tiên đầu tư.
- Đẩy mạnh các động lực phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn, phát triển các kết cấu hạ tầng để phát triển công nghiệp tăng khả năng thu hút đầu tư.
- + Phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và nhà ở.
- + Bảo vệ môi trường tự nhiên, hạn chế các tác động xấu của phát triển công nghiệp và dân cư.
- + Bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh và di sản văn hoá truyền thống trên địa bàn huyện.
- Các chương trình đầu tư:
  - + Trên cơ sở của đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện và dự báo khả năng đầu tư của các nhà đầu tư, xác định các chương trình dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đầu.
  - + Xác định các hạng mục ưu tiên đầu tư với sự ưu tiên các dự án mang ý nghĩa tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái, phát triển đầu mối hạ tầng kỹ thuật cấp vùng.
  - + Xác định các khu vực trọng tâm đầu tư, các công trình trọng điểm cần đầu tư: các khu trung tâm động lực, các hạng mục công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế ưu tiên đầu tư. Hình thành các chương trình, cụ thể hoá các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên về giao thông, cao độ nền và thoát nước mặt, cấp nước, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước thải, quản lý CTR, nghĩa trang.
- Tổng hợp kinh phí đầu tư, nguồn lực thực hiện, đề xuất nguồn lực thực hiện.
- + Trên cơ sở danh mục và lộ trình cho các chương trình phát triển của vùng huyện (*khu vực đô thị, nông thôn, các trung tâm chuyên ngành như du lịch, thương mại, nông lâm nghiệp, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, ...*) từ đó xác định nhu cầu kinh phí cho các dự án trọng điểm phát triển toàn khu vực cho các chương trình theo từng giai đoạn phát triển.
- + Khái toán kinh phí đầu tư xây dựng đợt đầu hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn huyện.

### 8. Hồ sơ sản phẩm

- Thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 24/10/2022 của Bộ

Xây dựng ban hành Thông tư quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Hồ sơ quy hoạch gồm 07 bộ (*không kể hồ sơ trình duyệt và thẩm định*). Nội dung thể hiện theo quy định hiện hành.

*(Chi tiết có hồ sơ lập nhiệm vụ Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Tô gửi kèm theo)*

### III. Tổ chức lấy ý kiến

1. Kính đề nghị các Sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong tỉnh (*Chi tiết có phụ lục 01 gửi kèm theo*): Cho ý về nội dung lập nhiệm vụ Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Tô để địa phương tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện và triển khai các bước tiếp theo đảm bảo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội; các cơ quan, đơn vị ngành dọc đóng chân trên địa bàn huyện (*Chi tiết có phụ lục 2 gửi kèm theo*): Tổ chức lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị mình và gửi văn bản tham gia góp ý về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Phòng Kinh tế Hạ tầng*) **trước ngày 20 tháng 9 năm 2023**. (*Đối với các cơ quan đơn vị không sử dụng hệ thống Ioffice thì gửi trực tiếp văn bản giấy theo địa chỉ: Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Đăk Tô, số 22 Trần Hưng Đạo, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum*).

3. Giao Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tuyên truyền rộng rãi và tổ chức họp công khai, lấy ý kiến khu dân cư đối với các Tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân về nội dung nhiệm vụ Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Tô; đồng thời tổng hợp ý kiến, Báo cáo kết quả lấy ý kiến khu dân cư (*kèm theo Biên bản họp khu dân cư*) gửi về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện*) **trước ngày 12 tháng 10 năm 2023**<sup>(1)</sup>.

4. Giao Văn phòng HĐND và UBND huyện (*Cơ quan Thường trực Ban biên tập trang thông tin điện tử huyện*): Tổ chức công khai các nội dung của nhiệm vụ của Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Tô trên trang thông tin điện tử huyện Đăk Tô (*tại địa chỉ <http://huyendakto.kontum.gov.vn>*) để các tổ chức, cá nhân tham gia góp ý; đồng thời tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức, cá nhân vào nội dung, nhiệm vụ của Đồ án (*nếu có*) gửi về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện*) **trước ngày 12 tháng 10 năm 2023**.

5. Giao Phòng Kinh tế Hạ tầng theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện, thường xuyên báo cáo tiến độ thực hiện về Ủy ban nhân dân huyện biết chỉ đạo; tổng hợp ý kiến, hoàn thiện hồ sơ, tham mưu Ủy

<sup>1</sup> **Cụ thể:** Theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Xây dựng 2014 quy định: Thời gian lấy ý kiến về quy hoạch xây dựng ít nhất là 20 ngày đối với cơ quan, 40 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

ban nhân dân huyện trình cấp có thẩm quyền xem xét, thẩm định và phê duyệt theo quy định.

Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm, xem xét cho ý kiến và gửi các nội dung tham gia về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Phòng Kinh tế và Hạ tầng*) đảm bảo thời gian quy định./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện (*CVP, các PCVP*);
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT-KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đặng Hoàng Nam**